



nǎi nai

奶奶

Noun · grandmother [father's mother]

Example Sentences

wǒ nǎi nai zuò de fàn hěn hǎo chī
我奶奶做的饭很好吃。

The food my grandmother cooks is very delicious.

nǎi nai zài zuò fàn
奶奶在做饭。

Grandma is cooking.

nǎi nai de shēng rì kuài dào le wǒ men dǎ suàn gěi tā yí gè jīng xǐ
奶奶的生日快到了，我们打算给她一个惊喜。

Grandma's birthday is coming soon, and we plan to give her a surprise.

Trace each character, then write the word on your own.

奶	奶	奶	奶	奶	奶	奶	奶												
奶	奶	奶	奶	奶	奶	奶	奶												